

Bản án số: **01/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 19/01/2023

(V/v tranh chấp Ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Hạnh

2. Ông Nguyễn Văn Đông

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hưng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Ông Đinh Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 562/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/HPT ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Đông H, sinh năm 1970

Trú tại: Số 18A ngõ 5 phố H, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1973

Trú tại: Số 18A ngõ 5 phố H, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trần Đông H trình bày như sau:***

Ông và bà Nguyễn Thị Minh H1 lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 18/11/1999 tại Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Ông bà kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đây đều là lần kết hôn đầu tiên của ông bà. Sau khi kết hôn ông bà sống cùng bố mẹ ông H một thời gian thì chuyển về sống tại địa chỉ hiện ở. Quá trình chung sống hai bên thường xuyên xảy ra bất đồng mâu thuẫn. Do quan điểm sống, lối sống của hai bên khác biệt, không thể dung hòa. Bà H1 thường xuyên có những ứng xử không đúng mực, đi theo tín ngưỡng tôn giáo lạ, không quan tâm đến chồng con. Cuộc sống chung của ông bà từ lâu đã không còn duy sống cùng nhà. Ông và bà H1 sống ly thân khoảng hơn 02 năm nay, không có cuộc sống chung, kinh tế, sinh hoạt hàng ngày riêng biệt. Vì thương con nên ông trì hoãn, kéo dài việc làm thủ tục ly hôn. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị được ly hôn bà H1.

Về con chung: Ông và bà H1 có 02 con chung là Trần Huệ A, sinh ngày 09/8/2000 và Trần Khánh L, sinh ngày 06/10/2007. Nay ly hôn ông đề nghị được trực tiếp nuôi cháu L vì ông có việc làm, thu nhập ổn định hơn bà H1. Ông không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi cháu L. Cháu Huệ A đã đủ tuổi trưởng thành nên ở với ai là tùy cháu vì cháu đã tự đi làm để lo cho cuộc sống.

Về tài sản chung: Ông đề nghị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H1 nhưng bà H1 không có bản trình bày ý kiến, vắng mặt tại tất cả các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa có ý kiến như sau:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý đơn ly hôn của ông Trần Đông H là đúng thẩm quyền; tiến hành phân công Thẩm phán, thư ký theo đúng quy định tại điều 195, 197 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo điều 203 Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015; đã tiến hành tổng đạt cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại các điều 177, 178, 179 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; quá trình giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa dân sự sơ thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án, đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 21; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Đông H đối với bà Nguyễn Thị Minh H1. Giao con chung của ông bà là cháu Trần Khánh L cho ông Trần Đông H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà H1 cho đến khi có sự thay đổi khác do ông H không yêu cầu. Về tài sản chung, khoản nợ chung đề nghị không xét. Về án phí ông H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Minh H1 có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại số 18A ngõ 5 phố H, phường N, quận C, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thụ lý vụ án là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị Minh H1 vắng mặt tại buổi công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Căn cứ điều 207 và 210 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản công khai tài liệu, chứng cứ vắng mặt bà H1 và biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án, đã thông báo kết quả công khai chứng cứ cho bà H1.

Bà Nguyễn Thị Minh H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H1.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Ông Trần Đông H và bà Nguyễn Thị Minh H1 lấy nhau có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của ông H, lời cung cấp của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa ông H, bà H1 trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn đã tồn tại trong thời gian dài. Quá trình giải quyết

vụ án bà H1 vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn cũng như các yêu cầu khác trong vụ án của ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thể hòa giải để hàn gắn tình cảm, giải quyết mâu thuẫn giữa bà và ông H. Hội đồng xét xử đánh giá mâu thuẫn của ông, bà đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà H1.

[3] Về con chung: Theo lời trình bày của ông H và các giấy tờ xuất trình tại Tòa, có căn cứ xác nhận ông Trần Đông H, bà Nguyễn Thị Minh H1 có 02 con chung là Trần Huệ A, sinh ngày 09/8/2000 và Trần Khánh L, sinh ngày 06/10/2007. Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, bà H1 không có ý kiến trình bày. Hội đồng xét xử thấy ông H đã xuất trình được các tài liệu chứng minh về điều kiện nuôi con như ông H hiện có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập, có nhà đất và việc giao con cho ông H nuôi cũng là phù hợp với nguyện vọng của các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao con chung là Trần Khánh L cho ông Trần Đông H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ông H không yêu cầu tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà H1 cho đến khi có sự thay đổi khác.

Cháu Trần Huệ A đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa không xét.

[4] Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu giải quyết, bà H1 không có ý kiến trình bày nên Tòa không xét.

[5] Về khoản nợ chung: Ông H xác nhận không có, bà H1 không có ý kiến trình bày nên Tòa không xét.

[6] Về án phí: Ông H phải chịu toàn bộ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Áp dụng: khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 147; 203; 207; 210; 227; 235; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Đông H đối với bà Nguyễn Thị Minh H1. Ông Trần Đông H được ly hôn bà Nguyễn Thị Minh H1.

Về con chung: Xác định ông Trần Đông H, bà Nguyễn Thị Minh H1 có 02 con chung là Trần Huệ A, sinh ngày 09/8/2000 và Trần Khánh L, sinh ngày 06/10/2007. Giao con chung là Trần Khánh L cho ông Trần Đông H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ông Trần Đông H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Nguyễn Thị Minh H1 cho đến khi có sự thay đổi khác.

Bà Nguyễn Thị Minh H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Cháu Trần Huệ A đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa không xét.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Tòa án không xét.

Về án phí: Ông Trần Đông H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2020/0018953 ngày 08/11/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Ông Trần Đông H đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Ông Trần Đông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Minh H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Cầu Giấy
- THA DS Q.Cầu Giấy
- UBND p.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tô Thanh Tú